



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 43:2024/BGTVT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

*National technical regulation on Roadside station*

**HÀ NỘI - 2024**

## **QCVN 43:2024/BGTVT**

### **Lời nói đầu**

QCVN 43:2024/BGTVT do Cục Đường bộ Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024.

QCVN 43:2024/BGTVT thay thế QCVN 43:2012/BGTVT được ban hành kèm theo Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ được ban hành theo Thông tư số 09/2024/TT-BGTVT ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

## MỤC LỤC

### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Đối tượng áp dụng
- 1.3. Tài liệu viện dẫn
- 1.4. Giải thích từ ngữ

### **II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT**

- 2.1. Quy định chung
- 2.2. Quy định về các hạng mục công trình tối thiểu
- 2.3. Quy định đối với các hạng mục công trình tối thiểu
  - 2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại Trạm dừng nghỉ
  - 2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra, vào bãi đỗ xe
  - 2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe, hành khách, người tham gia giao thông
  - 2.3.4. Quy định về khu vệ sinh
  - 2.3.5. Quy định về khu vực cung cấp thông tin
  - 2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa
  - 2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống
  - 2.3.8. Quy định về trạm cấp nhiên liệu, xưởng bảo dưỡng sửa chữa và nơi rửa xe
  - 2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước
- 2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường

### **III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC**

- 4.1 Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam
- 4.2 Trách nhiệm của Cục Đường cao tốc Việt Nam
- 4.3 Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ TRẠM DỪNG NGHỈ ĐƯỜNG BỘ**

***National technical regulation on roadside station***

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật phải tuân thủ trong đầu tư, xây dựng mới, cải tạo hoặc nâng cấp Trạm dừng nghỉ đường bộ.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác Trạm dừng nghỉ đường bộ.

**1.3. Tài liệu viện dẫn**

- QCVN 01:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.
- QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.
- QCVN 05:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.
- QCVN 07:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông
- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- QCVN 10:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.
- TCVN 4319:2012 Tiêu chuẩn quốc gia về nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
- TCVN 5687:2024 Tiêu chuẩn quốc gia về thông gió, điều tiết không khí - Yêu cầu thiết kế.

#### 1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1. *Trạm dừng nghỉ đường bộ (sau đây viết tắt là Trạm dừng nghỉ)* là công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ, để cung cấp các dịch vụ phục vụ người và phương tiện tham gia giao thông.

1.4.2. *Đường ra, vào Trạm dừng nghỉ* là đường dẫn nối từ đường chính, đường nhánh hoặc đường gom vào Trạm dừng nghỉ.

1.4.3. *Bãi đỗ xe* là nơi dành cho các phương tiện tham gia giao thông đường bộ đỗ khi người điều khiển phương tiện và hành khách sử dụng dịch vụ tại Trạm dừng nghỉ.

1.4.4. *Khu vực cung cấp thông tin cơ bản* là nơi đặt, để các tài liệu, sách, báo, bản đồ và các trang thiết bị nghe, nhìn khác.

1.4.5. *Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa* là nơi trưng bày, giới thiệu và bán đồ lưu niệm, các sản phẩm của địa phương nơi đặt Trạm dừng nghỉ và các hàng hóa khác.

## II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

### 2.1. Quy định chung

2.1.1. Việc đấu nối đường ra, vào Trạm dừng nghỉ phải thực hiện theo đúng quy định về kết nối giao thông đường bộ.

2.1.2. Trạm dừng nghỉ có các chức năng cơ bản sau:

2.1.2.1 Cung cấp các dịch vụ được miễn phí tại Trạm dừng nghỉ cho lái xe, hành khách, người tham gia giao thông đường bộ bao gồm: bãi đỗ xe; khu vực vệ sinh; không gian nghỉ ngơi; khu vực cung cấp thông tin cơ bản;

2.1.2.2. Hỗ trợ công tác cứu nạn, cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông hoặc các tình huống khẩn cấp khác;

2.1.2.3. Cung cấp các dịch vụ thương mại như: cung cấp nhiên liệu, năng lượng cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; ăn uống; sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện; giới thiệu, bán sản phẩm hàng hóa cho hành khách, lái xe, người tham gia giao thông đường bộ.

2.1.3. Các công trình, thiết bị của Trạm dừng nghỉ phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCVN 4319:2012.

2.1.4. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc của Trạm dừng nghỉ phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định tại QCVN 07:2010/BXD, TCVN 4319:2012 để có thể cung cấp an toàn, liên tục, ổn định các dịch vụ cho người, phương tiện tham gia giao thông. Hệ thống điện phục vụ cho các trụ, thiết bị sạc điện

## QCVN 43:2024/BGTVT

cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh theo nhu cầu sử dụng và từng giai đoạn đầu tư.

2.1.5. Trạm dừng nghỉ phải được phủ sóng điện thoại di động và có hệ thống thiết bị truyền thanh.

### 2.2. Quy định về các hạng mục công trình tối thiểu

2.2.1. Các hạng mục công trình tối thiểu của Trạm dừng nghỉ đường bộ bao gồm:

2.2.1.1. Khu vực bãi đỗ xe;

2.2.1.2. Không gian nghỉ ngơi (khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi cho người tham gia giao thông đường bộ, hành khách, lái xe);

2.2.1.3. Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe;

2.2.1.4. Khu vệ sinh công cộng;

2.2.1.5. Khu vực cung cấp thông tin theo quy định tại điểm 1.4.4 điểm 1.4 Quy chuẩn này;

2.2.1.6. Khu vực phục vụ ăn uống;

2.2.1.7. Khu vực giới thiệu và bán sản phẩm hàng hóa;

2.2.1.8. Khu vực bố trí hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện;

2.2.1.9. Trạm cung cấp nhiên liệu (chỉ áp dụng đối với Trạm dừng nghỉ đường bộ phục vụ khai thác công trình đường cao tốc);

2.2.1.10. Khu vực sửa chữa phương tiện (chỉ áp dụng đối với Trạm dừng nghỉ đường bộ phục vụ khai thác công trình đường cao tốc);

2.2.1.11. Phòng trực cứu nạn, cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông (chỉ áp dụng đối với Trạm dừng nghỉ đường bộ phục vụ khai thác công trình đường cao tốc).

### 2.3. Quy định đối với các hạng mục công trình tối thiểu

2.3.1. Phân loại và phạm vi áp dụng của từng loại Trạm dừng nghỉ:

2.3.1.1. Trạm dừng nghỉ được chia làm 04 loại căn cứ vào diện tích và các hạng mục công trình, khu vực tối thiểu đối với từng loại như trong bảng sau:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Loại Trạm dừng nghỉ			
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4
01	Tổng diện tích mặt bằng Trạm dừng nghỉ (diện tích tối thiểu)	m <sup>2</sup>	10.000	5.000	3.000	1.000
02	Khu vực bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m <sup>2</sup>	5.000	2.500	1.500	500

03	Số vị trí đỗ xe tối thiểu có thể bố trí phương tiện giao thông cơ giới vào sạc điện chiếm 10% tổng vị trí đỗ xe; việc đầu tư hạ tầng dành để lắp đặt trụ sạc, thiết bị sạc phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng và từng giai đoạn đầu tư.		Có			
04	Đường xe ra, vào		Đường ra, vào riêng biệt	Đường ra, vào chung rộng tối thiểu 7,5m		
05	Khu vực sửa chữa phương tiện		Có			
06	Trạm cung cấp nhiên liệu		Có			
07	Kết cấu mặt sân khu vực đỗ xe		Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07cm			
08	Khu vệ sinh		Có diện tích $\geq 3\%$ tổng diện tích sàn xây dựng của các hạng mục công trình có số thự tự 5, 6, 9, 11, 12, 13, 14 tại Bảng này; có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo QCVN 10:2024/BXD			
09	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe (diện tích tối thiểu)	m <sup>2</sup>	36	24	18	18
10	Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi (Không gian nghỉ ngơi)		Tối thiểu bằng 10% tổng diện tích mặt bằng Trạm dừng nghỉ (TCVN 4319:2012)			
11	Khu vực cung cấp thông tin		Có			
12	Khu vực ăn uống		Có			
13	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa		Có			
14	Phòng trực cứu hộ, sơ cứu tai nạn giao thông		Có			

### 2.3.1.2. Phạm vi áp dụng đối với từng loại Trạm dừng nghỉ

Căn cứ vào lưu lượng phương tiện, hành khách thông qua tuyến đường và điều kiện cụ thể của khu vực nơi xây dựng Trạm dừng nghỉ để tính toán quy mô, năng lực cung cấp dịch vụ của Trạm dừng nghỉ.

### 2.3.2. Quy định về bãi đỗ xe và đường ra, vào bãi đỗ xe

2.3.2.1. Khu vực bãi đỗ xe: thiết kế hướng đỗ xe hợp lý để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện;

## **QCVN 43:2024/BGTVT**

2.3.2.2. Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách, xe ô tô tải là 40m<sup>2</sup> và cho xe ô tô con là 25m<sup>2</sup>. Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe. Có vị trí đỗ xe riêng cho người khuyết tật với diện tích tối thiểu 25m<sup>2</sup> theo QCVN 07:2023/BXD;

2.3.2.3. Đường lưu thông trong Trạm dừng nghỉ phải có biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp bán kính quay vòng tối thiểu và không nhỏ hơn 10m tính theo tim đường theo quy định tại QCVN 07:2023/BXD để bảo đảm cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực Trạm dừng nghỉ;

2.3.2.4. Đường ra, vào bãi đỗ xe phải được thiết kế đảm bảo lưu thông, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện vào, ra và với người đi bộ.

2.3.3. Quy định về nơi nghỉ ngơi của lái xe, hành khách, người tham gia giao thông

2.3.3.1. Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe phải được trang bị ghế ngả, quạt điện hoặc điều hòa nhiệt độ;

2.3.3.2. Không gian nghỉ ngơi là khu vực kết cấu kiến trúc có mái che hoặc khu vực trồng cây xanh, thảm cỏ có bố trí ghế ngồi (không kể khu vực các công trình dịch vụ thương mại), số lượng ghế ngồi được tính toán căn cứ theo lưu lượng khách vào Trạm dừng nghỉ, bảo đảm khách vào Trạm dừng nghỉ có nơi nghỉ ngơi khi không sử dụng các dịch vụ thương mại của Trạm dừng nghỉ.

2.3.4. Quy định về khu vệ sinh

2.3.4.1. Khu vệ sinh phải được bố trí ở những nơi dễ quan sát, thuận tiện cho khách sử dụng, tránh ảnh hưởng tới các khu vực ăn uống và nghỉ ngơi của hành khách; có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết, bảo đảm thuận tiện cho người sử dụng, có nơi vệ sinh phục vụ người khuyết tật theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD;

2.3.4.2. Khu vệ sinh phải bảo đảm chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng; tường, mặt sàn và thiết bị vệ sinh phải luôn sạch sẽ. Số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải phù hợp với quy định của từng loại công trình theo TCVN 4319:2012;

2.3.4.3. Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687:2024;

2.3.4.4. Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

2.3.4.5. Khu vệ sinh phải bố trí chậu để rửa tay, bàn, gương, móc treo.

2.3.5. Quy định về khu vực cung cấp thông tin



2.3.5.1. Khu vực cung cấp thông tin phải có kệ sách báo để cung cấp cho lái xe, hành khách và người tham gia giao thông một số thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, các sản phẩm và văn hóa đặc trưng của địa phương; các điểm du lịch, tài nguyên thiên nhiên; hệ thống Trạm dừng nghỉ, mạng lưới đường bộ trong khu vực và các thông tin khác theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền;

2.3.5.2. Khu vực cung cấp thông tin phải được bố trí ở vị trí thuận tiện để hành khách dễ nhận biết và tiếp cận dễ dàng;

2.3.5.3. Tùy theo việc bố trí không gian của Trạm dừng nghỉ có thể bố trí phòng cung cấp thông tin riêng biệt hoặc sử dụng chung không gian với các khu vực khác.

2.3.6. Quy định về khu vực giới thiệu và bán hàng hóa

2.3.6.1. Việc bố trí nội thất, kệ, quầy bán hàng phải bảo đảm đồng thời hai yếu tố thẩm mỹ và thông thoáng. Việc bố trí không gian nội thất nên cơ động, linh hoạt, dễ dàng thay đổi khi cần thiết;

2.3.6.2. Không gian mua hàng của khách phải bảo đảm thuận tiện để hành khách đi lại, đứng xem, chọn hàng, thử hàng, mua hàng.

2.3.7. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống

2.3.7.1. Khu vực phục vụ ăn uống cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng;

2.3.7.2. Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác bảo đảm vệ sinh môi trường;

2.3.7.3. Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;

2.3.7.4. Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;

2.3.7.5. Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể để lựa chọn hình thức thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hòa nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687:2024;

2.3.7.6. Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường, các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải bảo đảm các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3.8. Quy định về trạm cung cấp nhiên liệu, khu vực sửa chữa phương tiện

2.3.8.1. Việc thiết kế, xây dựng, hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải được thực hiện đúng theo các quy định của QCVN 01:2020/BCT;

## **QCVN 43:2024/BGTVT**

2.3.8.2. Khu vực cấp nhiên liệu, sửa chữa, bảo dưỡng và nơi rửa xe phải được bố trí riêng biệt, có đường ra, vào thuận tiện không ảnh hưởng đến giao thông chung trong khu vực Trạm dừng nghỉ.

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước.

2.3.9.1. Hệ thống cấp nước cho Trạm dừng nghỉ phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của Trạm dừng nghỉ;

2.3.9.2. Chất lượng nước phục vụ cho ăn uống và chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01-1:2018/BYT và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương tương ứng;

2.3.9.3. Hệ thống thoát nước của Trạm dừng nghỉ bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của Trạm dừng nghỉ và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

### **2.4. Quy định về phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường**

2.4.1. Trạm dừng nghỉ phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường; có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định; có hệ thống tiêu thoát nước mưa.

2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.4.4. Đối với Trạm dừng nghỉ có xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phải có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Có biện pháp giảm thiểu bụi khí thải, hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt ảnh hưởng đến môi trường xung quanh theo quy định tại QCVN 05:2008/BXD.

2.4.4. Trạm dừng nghỉ phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định tại QCVN 06:2022/BXD.

2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực Trạm dừng nghỉ.

### **III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ**

Trạm dừng nghỉ được đưa vào khai thác sau khi đơn vị kinh doanh Trạm dừng nghỉ công bố theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, Trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, Trạm dừng nghỉ vào khai thác.

#### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC**

##### **4.1. Trách nhiệm của Cục Đường bộ Việt Nam**

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên các tuyến đường bộ thuộc phạm vi quản lý, trừ quy định tại điểm 4.2 của Quy chuẩn này.

##### **4.2. Trách nhiệm của Cục Đường cao tốc Việt Nam**

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên các tuyến cao tốc thuộc phạm vi quản lý.

**4.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Tổ chức triển khai Quy chuẩn này trên địa bàn thuộc địa phương quản lý (trừ những tuyến đường bộ, cao tốc thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quy định tại điểm 4.1 và điểm 4.2 Điều IV Quy chuẩn này).

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

5.1. Trạm dừng nghỉ đã công bố trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực, tuân thủ theo các quy định của QCVN 43:2012/BGTVT và sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/BGTVT phải rà soát, hoàn thiện theo quy định của Quy chuẩn này trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, riêng hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng điện phải bổ sung hoàn thiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2027.

5.2. Trường hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn, văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.